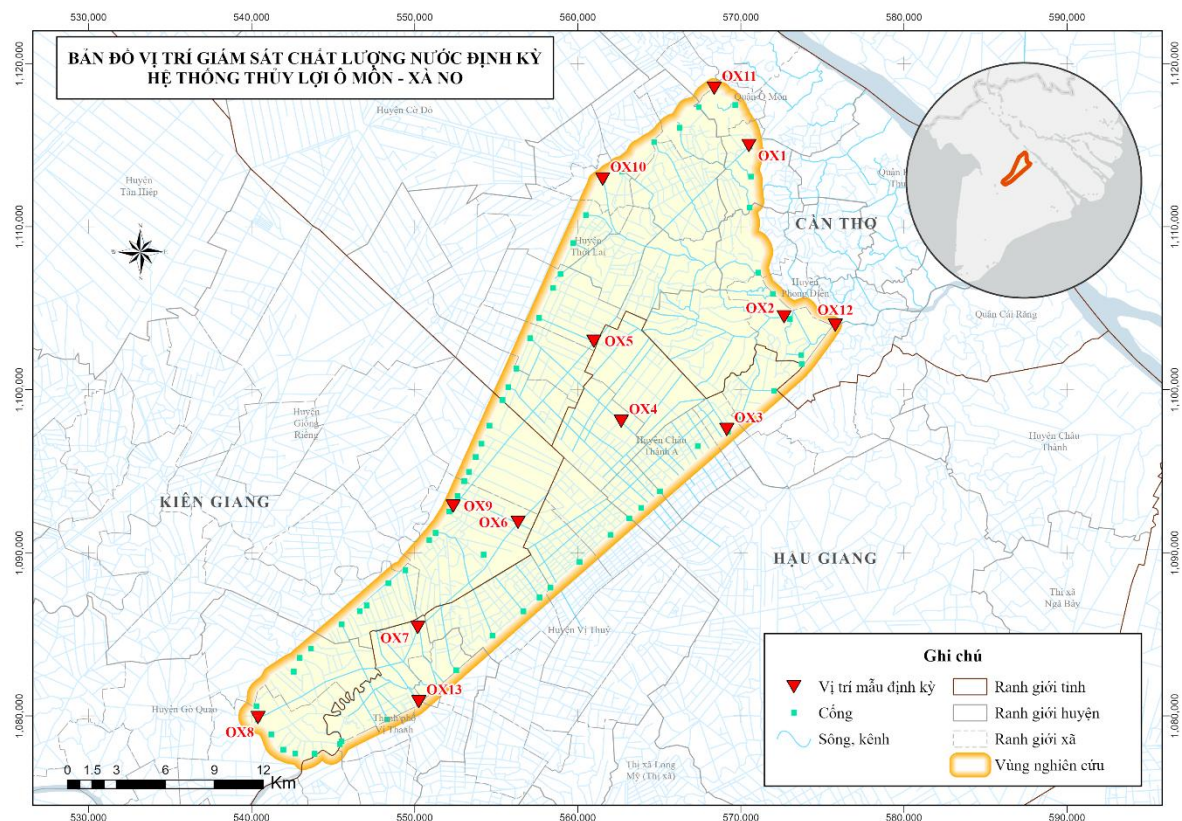


Giám sát, dự báo chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi
Ô Môn - Xà No, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp năm 2025

BẢN TIN TUẦN 08 Dự báo từ 04/4 đến 10/4/2025

I. Vị trí dự báo

Vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước được đặt ở những điểm các kênh trực quan trọng trong khu vực nội đồng, có tầm ảnh hưởng lớn đến các khu vực xung quanh. Những kênh có cống thì trạm được đặt gần cống, phía trong đồng nhằm mục đích đánh giá được chính xác và tổng quan nhất mức độ ô nhiễm của nguồn nước khi vận hành công trình. Nhiệm vụ quan trắc 13 điểm phục vụ giám sát, dự báo chất lượng nước được trình bày trong hình sau:



Hình 1. Bản đồ vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

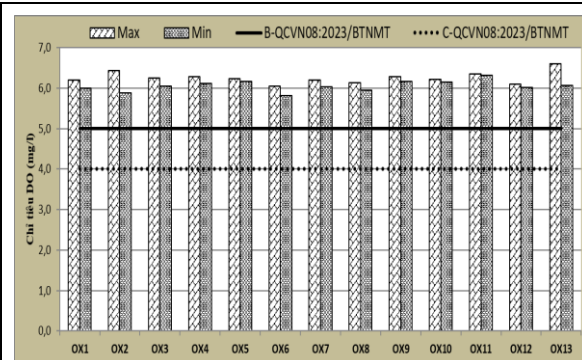
Bảng 1. Thông tin vị trí các trạm giám sát, dự báo chất lượng nước định kỳ

TT	Ký hiệu	Vị trí điểm đo	Tọa độ điểm quan trắc		Phường/ Xã	Quận/ Huyện	Tỉnh/ Thành phố
			X	Y			
1	OX1	Cống KH8-Đ	570.038	1.114.412	Trường Lạc	Ô Môn	Cần Thơ
2	OX2	Cống KH9-Đ	572.511	1.104.363	Nhơn Ái	Phong Điền	Cần Thơ
3	OX3	Cống Bà Đàm C	569.025	1.097.787	Một Ngàn	Châu Thành A	Hậu Giang
4	OX4	Giao giữa kênh KH9 và 4000	562.609	1.098.063	Trường Long Tây	Châu Thành A	Hậu Giang
5	OX5	Kênh KH8 (gần kênh Tô Ma)	561.066	1.102.877	Trường Xuân	Thới Lai	Cần Thơ
6	OX6	Giao giữa kênh KH9 và 14000	556.360	1.091.827	Hòa Hưng	Giồng Riềng	Kiên Giang
7	OX7	Giao giữa kênh lộ 62 và KH9	550.263	1.085.552	Vị Tân	Vị Thanh	Hậu Giang
8	OX8	Cống KH9-C	541.037	1.080.244	Vĩnh Hòa Hưng Nam	Gò Quao	Kiên Giang
9	OX9	Cống KH8-C	552.403	1.092.846	Hòa Hưng	Giồng Riềng	Kiên Giang
10	OX10	Cống Xẻo Xào	561.676	1.112.424	Thới Lai	Thới Lai	Cần Thơ
11	OX11	Cầu Ô Môn	568.242	1.118.461	Châu Văn Liêm	Ô Môn	Cần Thơ
12	OX12	Ngã 3 sông Cần Thơ và kênh Xà No, bên đò Vàm Xáng	575.794	1.103.901	Nhơn Nghĩa	Phong Điền	Cần Thơ
13	OX13	Cầu Đoàn Kết, TP. Vị Thanh	550.523	1.080.890	Vị Tân	Vị Thanh	Hậu Giang

II. Dự báo chất lượng nước từ ngày 04-10/4/2025

Các dự báo về chất lượng nước từ ngày 04-10/4/2025 được thể hiện chi tiết trong bảng sau:

1. Chỉ tiêu DO



Hình 2. Giá trị DO dự báo

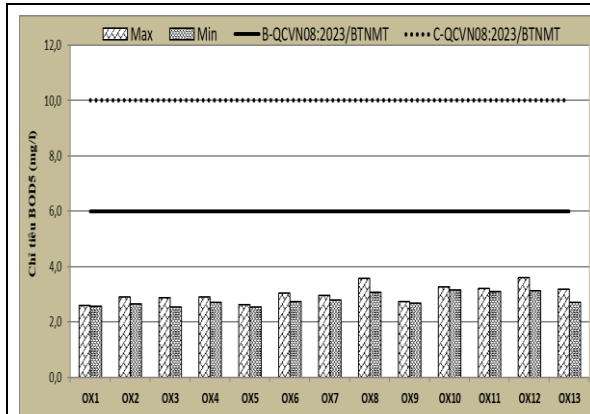
Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị DO nhỏ nhất biến đổi từ 5,81 mg/l đến 6,60 mg/l. Các trạm đều có giá trị DO nằm trên mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước DO đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 2. Kết quả dự báo thông số DO các trạm từ ngày 04-10/4/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
1	OX1	6,00	6,05	6,15	6,14	6,20	6,13	6,00
2	OX2	5,88	6,00	6,15	6,30	6,28	6,36	6,43
3	OX3	6,05	6,10	6,16	6,25	6,25	6,22	6,23
4	OX4	6,11	6,12	6,21	6,17	6,18	6,23	6,28
5	OX5	6,16	6,19	6,21	6,22	6,23	6,22	6,19
6	OX6	5,86	5,89	6,03	6,05	6,02	5,81	5,97
7	OX7	6,03	6,05	6,06	6,16	6,20	6,11	6,04
8	OX8	5,95	6,01	6,05	6,04	5,95	6,12	6,12
9	OX9	6,17	6,18	6,19	6,22	6,27	6,28	6,25
10	OX10	6,21	6,20	6,20	6,22	6,18	6,15	6,22
11	OX11	6,35	6,35	6,36	6,35	6,34	6,32	6,34
12	OX12	6,02	6,05	6,08	6,07	6,05	6,10	6,05
13	OX13	6,06	6,16	6,38	6,48	6,31	6,60	6,52

2. Chỉ tiêu BOD₅

Hình 3. Giá trị BOD₅ dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị BOD₅ lớn nhất biến đổi từ 2,53 mg/l đến 3,60 mg/l. Một số điểm có giá trị BOD₅ ở mức cao như OX8, OX10 đến OX13. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị BOD₅ trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn khá nhiều so với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT.

Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước BOD₅ trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

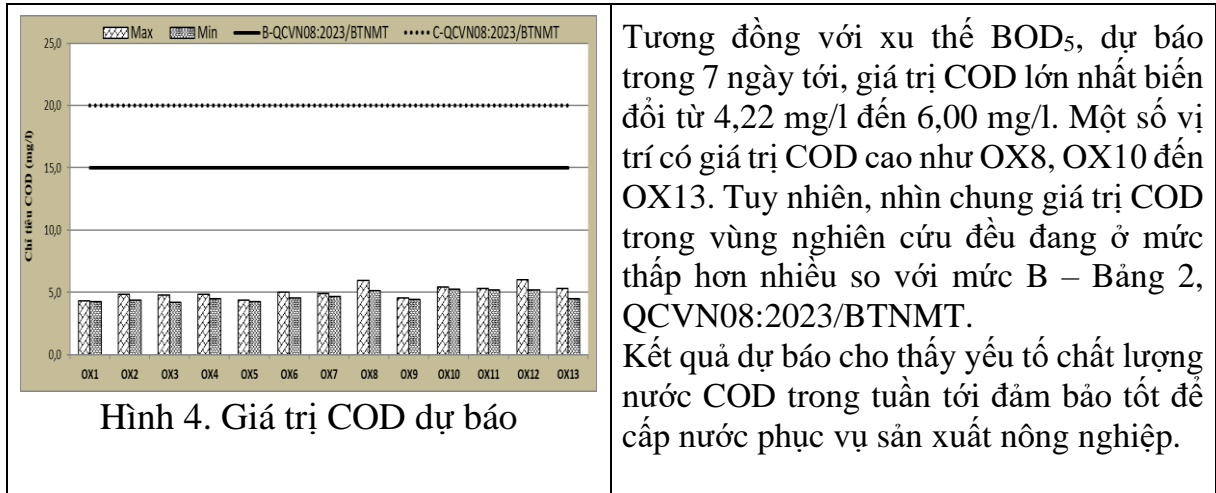
Bảng 3. Kết quả dự báo thông số BOD₅ các trạm từ ngày 04-10/4/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
1	OX1	2,60	2,59	2,58	2,56	2,56	2,56	2,57
2	OX2	2,64	2,69	2,77	2,79	2,89	2,88	2,88
3	OX3	2,71	2,68	2,53	2,56	2,72	2,56	2,88

TT	Trạm	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
4	OX4	2,70	2,74	2,82	2,88	2,81	2,86	2,90
5	OX5	2,54	2,55	2,56	2,59	2,60	2,61	2,61
6	OX6	2,74	2,82	2,85	3,03	3,00	2,88	2,91
7	OX7	2,79	2,79	2,82	2,86	2,96	2,90	2,89
8	OX8	3,07	3,13	3,24	3,57	3,55	3,30	3,44
9	OX9	2,66	2,67	2,68	2,71	2,72	2,74	2,74
10	OX10	3,14	3,17	3,23	3,27	3,25	3,21	3,22
11	OX11	3,19	3,17	3,11	3,11	3,16	3,16	3,19
12	OX12	3,23	3,49	3,60	3,49	3,41	3,11	3,16
13	OX13	2,71	2,85	2,79	3,13	2,73	3,19	3,05

3. Chỉ tiêu COD



Tương đồng với xu thế BOD₅, dự báo trong 7 ngày tới, giá trị COD lớn nhất biến đổi từ 4,22 mg/l đến 6,00 mg/l. Một số vị trí có giá trị COD cao như OX8, OX10 đến OX13. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị COD trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn nhiều so với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT.

Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước COD trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

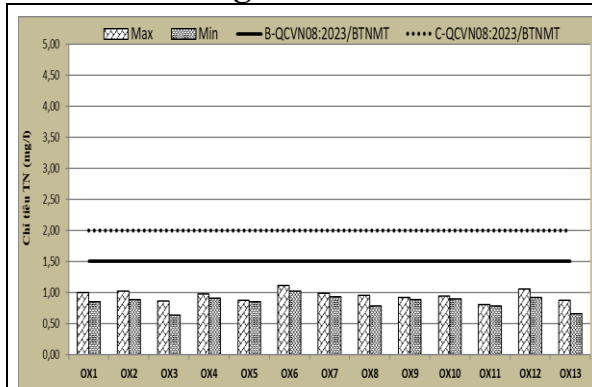
Bảng 4. Kết quả dự báo thông số COD các trạm từ ngày 04-10/4/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
1	OX1	4,33	4,32	4,30	4,27	4,26	4,26	4,28
2	OX2	4,40	4,48	4,61	4,65	4,82	4,81	4,81
3	OX3	4,51	4,46	4,22	4,27	4,53	4,27	4,80
4	OX4	4,50	4,57	4,70	4,80	4,69	4,77	4,83
5	OX5	4,24	4,25	4,27	4,31	4,33	4,35	4,36
6	OX6	4,57	4,69	4,75	5,05	5,00	4,80	4,86
7	OX7	4,66	4,65	4,69	4,77	4,93	4,83	4,81
8	OX8	5,12	5,22	5,40	5,94	5,91	5,50	5,73

TT	Trạm	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
9	OX9	4,44	4,45	4,47	4,51	4,54	4,56	4,56
10	OX10	5,24	5,29	5,38	5,44	5,41	5,35	5,37
11	OX11	5,31	5,28	5,18	5,19	5,27	5,27	5,32
12	OX12	5,38	5,81	6,00	5,82	5,69	5,18	5,27
13	OX13	4,52	4,74	4,65	5,22	4,54	5,32	5,09

4. Chỉ tiêu tổng Nito - TN



Hình 5. Giá trị TN dự báo

Dự báo trong 7 ngày tới, giá trị TN lớn nhất biến đổi từ 0,64 mg/l đến 1,11 mg/l. Một số khu vực có giá trị TN cao như OX6, OX7, OX8 và OX12. Tuy nhiên, nhìn chung giá trị TN trong vùng nghiên cứu đều đang ở mức thấp hơn so với mức B – Bảng 2, QCVN08:2023/BTNMT. Kết quả dự báo cho thấy yếu tố chất lượng nước TN trong tuần tới đảm bảo tốt để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Bảng 5. Kết quả dự báo thông số TN các trạm từ ngày 04-10/4/2025

Đơn vị: mg/l

TT	Trạm	04/04	05/04	06/04	07/04	08/04	09/04	10/04
1	OX1	0,86	0,91	1,00	1,00	0,99	0,89	0,85
2	OX2	0,88	0,96	1,02	0,89	0,99	0,95	0,96
3	OX3	0,68	0,65	0,86	0,64	0,84	0,76	0,67
4	OX4	0,90	0,92	0,94	0,97	0,94	0,96	0,97
5	OX5	0,85	0,85	0,86	0,86	0,87	0,87	0,87
6	OX6	1,02	1,04	1,05	1,11	1,10	1,07	1,08
7	OX7	0,94	0,94	0,94	0,96	0,99	0,97	0,97
8	OX8	0,78	0,80	0,84	0,95	0,94	0,85	0,91
9	OX9	0,89	0,89	0,90	0,91	0,91	0,92	0,92
10	OX10	0,90	0,91	0,93	0,95	0,94	0,93	0,93
11	OX11	0,81	0,80	0,78	0,78	0,80	0,80	0,81
12	OX12	0,96	0,96	1,04	1,05	1,02	0,92	0,94
13	OX13	0,66	0,74	0,71	0,83	0,67	0,88	0,82

III. Kết luận, kiến nghị

Theo kết quả dự báo các chỉ số DO, BOD₅, COD, TN tại 13 vị trí trong hệ thống thủy lợi Ô Môn – Xà No từ ngày 04-10/4/2025, so sánh với mức B – Bảng 2 trong QCVN08:2023/BTNMT, nguồn nước đảm bảo để cấp nước phục vụ sản xuất nông nghiệp.

Hiện nay đang trong thời kỳ nửa cuối mùa khô, mực nước và lưu lượng trên các sông kênh rạch trong HTTL Ô Môn – Xà No dự báo ở mức thấp và tiếp tục có xu thế giảm, tiềm ẩn nguy cơ ô nhiễm do tồn đọng chất thải trên các sông kênh, đặc biệt tại các khu vực đông dân cư, vùng giáp nước và khu vực bên trong nội đồng. Kiến nghị các địa phương thường xuyên theo dõi cập nhật dự báo về nguồn nước và chất lượng nước liên quan đến HTTL Ô Môn – Xà No để kịp thời có biện pháp xử lý phù hợp, đảm bảo chất lượng nguồn nước cho sản xuất.

Nơi nhận:

- Bộ NN&MT (để b/c);
- Cục QL&XDCTTL (để b/c);
- Sở NN&MT các tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, TP. Cần Thơ;
- Chi cục TL&MT Hậu Giang, Chi cục TL tỉnh Kiên Giang và TP. Cần Thơ;
- Phòng Nông nghiệp/Kinh tế các huyện/TP thuộc tỉnh Hậu Giang, Kiên Giang, TP. Cần Thơ;
- Lưu: P.KHCN&HTQT.

KT. VIỆN TRƯỞNG

PHÓ VIỆN TRƯỞNG



Phạm Văn Mạnh